

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HS-ST
Ngày 22-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hùng, bà Nguyễn Thị Minh Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2024/HS-ST ngày 28-6-2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HS ngày 08-8-2024 tại hai điểm cầu:

- Điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Đối với bị cáo: **Trịnh Văn N**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10-10-1980 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; chỗ ở: Tổ A, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; con ông: Trịnh Thanh B, sinh năm 1936; con bà: Đinh Thị L, sinh năm 1949; vợ là Nguyễn Thị L1, sinh năm 1984 và có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án: Ngày 27-6-2017 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xử phạt 07 năm 09 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (bản án số 36/HS-ST chưa được xóa án tích); tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10-5-2024 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Lê Thị V, sinh năm 1988, trú tại: Thôn Đ, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

*** Người chứng kiến:** Anh Phạm Hải Đ, sinh năm 1976. Trú tại: Tổ F, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

*** Những người hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần:**

- Người tiến hành tố tụng khác:

+ Bà Vũ Thị Thu H- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

+ Ông Nguyễn Tiến G- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Người tham gia tố tụng khác: Ông Lương Mạnh H1- Cán bộ cơ sở giam giữ Công an thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Văn N là đối tượng sử dụng chất ma túy, do có nhu cầu sử dụng chất ma túy nên trưa ngày 10-5-2024 Năm điều khiển mô tô nhãn hiệu HONDA loại Jupiter mang biển kiểm soát 21T9-1088 đi vào thị trấn Y, huyện Y tỉnh Yên Bái mua của một người đàn ông không quen biết được 03 gói ma túy đều được gói vào nilon màu trắng hàn kín hai đầu với giá 900.000 đồng mục đích để sử dụng. Sau khi mua được ma túy Năm dấu số ma túy vào tấm nilon và để tại giá hàng phía trước xe. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày khi N đi về đến khu vực phố đi bộ H thuộc tổ A, phường Đ, TP Y, tỉnh Yên Bái thì bị Cơ quan điều tra Công an thành phố Y kiểm tra người và phương tiện, thu giữ 03 gói nilon màu trắng hàn kín hai đầu bên trong có chứa chất bột nén màu trắng nghi là ma túy nên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng. Ngoài ra còn tạm giữ: 01 xe mô tô; 01 đăng ký xe mô tô; 01 điện thoại di động; 01 căn cước công dân; 01 mảnh nilon (loại áo mưa) và 4.210.000 đồng tiền Ngân hàng N3.

Tại bản kết luận giám định số: 271/KL-KTHS ngày 17-5-2024 của Phòng K Công an tỉnh Y kết luận: Chất bột nén màu trắng do Trịnh Văn N tự giác giao nộp khi bắt quả tang có tổng khối lượng là 0,52 gam là ma túy; loại Heroine.

Tại bản cáo trạng số: 47/CT-VKS-TP ngày 28/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Trịnh Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Văn N từ 03 (ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 10-5-2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,42 gam ma túy loại Heroine; 02 vỏ phong bì đã mở niêm phong, các mảnh nilon gói, giấy gói và 01 mảnh nilon màu trắng (loại áo mưa).

Trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân mang tên Trịnh Văn N; 01 điện thoại di động loại bàn phím mang số thuê bao 0888 810 471 và 4.210.000 đồng tiền Ngân hàng N3 phát hành.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Văn N khai báo thành khẩn, không tranh luận gì và không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Văn N khai nhận ngày 10-5-2024 đã thực hiện hành vi tàng trữ 0,52 gam ma túy loại heroine với mục đích để sử dụng cho bản thân. Phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi của bị cáo đang bị toàn xã hội bài trừ, lên án và cũng là nguyên nhân làm gia tăng tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Do đó, cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[5] Bị cáo là người có sức khỏe, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Bị cáo hiểu rõ tác hại của ma túy, nhưng do sống buông thả nên sa vào con đường sử dụng chất ma túy. Do đó, cần phải có mức hình phạt thỏa đáng tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để giáo dục, cải tạo bị cáo và đảm bảo phòng chống tội phạm.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Tại phiên tòa bị cáo trình Văn N1 cung cấp Huân chương kháng chiến của ông Trịnh Thanh B (bố đẻ bị cáo) được Nhà nước tặng. Tuy nhiên chỉ là bản phô tô, không có xác nhận do đó không có cơ sở để xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào Biên bản xác minh của Cơ quan điều tra Công an thành phố Y với UBND phường Y, thành phố Y và UBND xã A, huyện V thì bị cáo là đối tượng sử dụng chất ma túy, không có việc làm, thu nhập không ổn định và không có tài sản riêng. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Trịnh Văn N khai nhận nguồn gốc ma túy là mua của một người đàn ông nhưng N không biết đầy đủ tên, tuổi và địa chỉ. Nên không có cơ sở để điều tra, xác minh và xử lý trong vụ án.

[10] Về vật chứng và tài sản tạm giữ:

Đối với 0,52 gam ma túy loại heroine thu giữ khi bắt quả tang Trịnh Văn N, Cơ quan giám định đã trích 0,1 gam làm mẫu giám định còn lại 0,42 gam được niêm phong bằng một phong bì do Phòng K - Công an tỉnh Y phát hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 vỏ phong bì đã mở niêm phong, các mảnh nilon gói, giấy gói và 01 mảnh nilon màu trắng loại áo mưa cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại Jupiter mang biển kiểm soát 21T9-1088 và 01 Đăng ký xe mô tô mang tên Lê Văn P tạm giữ của bị cáo. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Lê Thị V

nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 484/QĐ-ĐCSMT ngày 04-6-2024 là phù hợp được chấp nhận.

Đối với 01 Căn cước công dân; 01 điện thoại di động và 4.210.000 đồng tạm giữ của bị cáo quá trình điều tra xác định đây là giấy tờ tùy thân và tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[12] Đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Văn N 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo 10-5-2024.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 0,42 gam ma túy loại heroine đã được niêm phong bằng một phong bì do Phòng K - Công an tỉnh Y phát hành: 02 vỏ phong bì đã mở niêm phong, các mảnh nilon gói, giấy gói và 01 mảnh nilon màu trắng loại áo mưa.

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn N 01 Căn cước công dân; 01 điện thoại di động và 4.210.000 đồng.

(Chi tiết đặc điểm theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 01-7-2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Y và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trịnh Văn N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Trịnh Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái.
- VKSND TP Yên Bái;
- Công an TP Yên Bái;
- Hồ sơ nghiệp vụ CATP;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- Nhà tạm giữ CATP;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, TA, THA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thế Hòa

